

Bản án số: 104/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 13-7-2022

V/v Ly hôn, Tranh chấp nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Đình Đ

Ông Nguyễn Đức Kha

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2022/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2022/QĐ-ST ngày 01/7/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 13/6/1992 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Hiện đang lao động nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể).

Anh Đ ủy quyền cho ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962; Địa chỉ Thôn N, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng U, sinh ngày 14/01/1993 (vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn anh Nguyễn Tiến Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn anh và chị U được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân. Được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Có đăng ký kết hôn ngày 27/3/2018 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị U về nhà anh làm dâu ngay và chung sống hòa thuận. Tháng 02/2020 anh đi lao động tại Hàn Quốc. Sang Hàn Quốc một thời gian thì anh, chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Ngày 25/01/2021 chị U chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ đó đến nay. Trong thời gian mâu thuẫn anh, chị nhiều lần nói chuyện với mong muốn tiếp tục chung sống để chăm sóc con nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo anh, chị về đoàn tụ nhưng anh, chị đều xác định không còn tình cảm nên không về đoàn tụ được. Kể từ tháng 5/2021 đến nay anh và chị U không ai còn quan tâm đến nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay anh và chị U xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho anh và chị Nguyễn Thị Hồng U được ly hôn nhau.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia K, sinh ngày 20/01/2019. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng chị U. Sau khi ly hôn đề nghị giao con chung cho chị U chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh đề nghị được cấp dưỡng cho chị U nuôi con chung ở mức 1.500.000đồng/tháng và đề nghị được cấp dưỡng hàng tháng.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Hồng U là bị đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về quá trình đi đến hôn nhân, thời gian kết hôn, quá trình chung sống và mâu thuẫn vợ chồng giống như anh Đ trình bày. Nay chị và anh Đ đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vì vậy, chị cũng đồng ý yêu cầu xin ly hôn của anh Đ và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị được ly hôn nhau.

Về con chung: chị và anh Đ có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia K, sinh ngày 20/01/2019. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng chị. Sau khi ly hôn đề nghị giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị đồng ý đề nghị của anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung ở mức 1.500.000đồng/tháng và đồng ý cấp dưỡng hàng tháng.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người được ủy quyền Ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông đồng ý nhận ủy quyền của con ông là Nguyễn Tiến Đ, ông nhận các văn bản Tòa án giao cho anh Đ và giao nộp các tài liệu cho anh Đ, ông cam đoan chữ viết, chữ ký, dấu vân tay trong đơn khởi kiện bản tự khai, giấy ủy quyền là của anh Đ viết, ký điểm chỉ, ông đề nghị giám định chữ viết trong các tài liệu anh Đ gửi về và ông chịu mọi chi phí giám định và không đề nghị Tòa án giải quyết chi phí giám định. Ngoài ra, ông trình bày thêm về hôn nhân của anh Đ, chị U

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ, chị U kết hôn có được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn, sau khi kết hôn chị U về nhà ông làm dâu, tháng 02 năm 2020 anh Đ đi lao động tại Hàn Quốc, sang một thời gian thì anh Đ nói vợ chồng mâu thuẫn, ngày 25/01/2021 chị U bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống từ đó đến nay, trong thời gian mâu thuẫn ông nhiều lần khuyên bảo để về đoàn tụ nhưng cả hai vợ chồng đều xác định không còn tình cảm không về đoàn tụ được, từ khi đi nước ngoài đến nay anh Đ chưa về nước; về con chung: anh Đ, chị U có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia K, sinh ngày 20/01/2019. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng chị U; về tài sản chung thì cả hai không có tài sản chung gì. Ông xin được vắng mặt tất cả các buổi làm việc mà tòa án triệu tập.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Tiến Đ, chị Nguyễn Thị Hồng U đều vắng mặt và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của anh Nguyễn Tiến Đ, chị Nguyễn Thị Hồng U và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt, đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 1, 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tiến Đ.

Xử cho anh Nguyễn Tiến Đ được ly hôn chị Nguyễn Thị Hồng U.

Về con chung: Do anh Đ hiện nay đang đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho chị Nguyễn Thị Hồng U trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc anh Nguyễn Tiến Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nguyễn Thị Hồng U theo mức 1.500.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7/2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Tiến Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[2]. Về tính hợp pháp của các văn bản, tài liệu do anh Đ gửi từ nước ngoài về yêu cầu khởi kiện:

Do đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo gửi từ nước ngoài về và đi kèm chỉ bằng vân tay và có chữ ký, chữ viết của anh Nguyễn Tiến Đ, anh Đ có văn bản ủy quyền cho ông Nguyễn Văn T nộp tại Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang để giải quyết vụ việc. Do đơn khởi kiện, các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của anh Đ gửi về không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền tại nước ngoài, nên theo yêu cầu giám định của ông T người nhận ủy quyền của anh Đ. Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang tiến hành thu thập mẫu vân tay của anh Đ khi làm Chứng minh nhân dân (chỉ bản) tại Công an tỉnh Bắc Giang, để giám định dấu vân tay đối chiếu với tài liệu do anh Đ gửi về xem có đúng là do một người viết, ký và lăn tay hay không.

Sau khi thu thập tài liệu chứng cứ, Tòa án đã có quyết định trưng cầu giám định số: 223/2022/QĐ-TCGD ngày 14/6/2022 gửi phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Bắc Giang. Tại kết luận giám định số 1114/KL-KTHS của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang ngày 28/6/2022 đã kết luận:

1. Dấu vân tay màu xanh in dưới các mục “Người khởi kiện”, “Người khai”, “Bên ủy quyền” trên các tài liệu gửi giám định so với dấu vân tay ở ô “Trở phải” trên bản sao Chỉ bản số 122000761, mang tên Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 1992 do Phòng Cảnh sát QLHC về TTXH-Công an tỉnh Bắc Giang cung cấp là của cùng một người.

2. Chữ viết Nguyễn Tiến Đ tại các mục “Người khởi kiện”, “Người khai”, “Bên ủy quyền” trên các tài liệu gửi giám định so với chữ ký mang tên Nguyễn Tiến Đ tại mục “Chồng” trong Giấy chứng nhận kết hôn là do cùng một người ký ra. Như vậy, có đủ căn cứ xác định Đơn khởi kiện, bản tự khai, Giấy ủy quyền và các tài liệu liên quan đến yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tiến Đ do ông Nguyễn Văn T nộp tại Tòa án tỉnh Bắc Giang là của anh Nguyễn Tiến Đ thể hiện yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và giải quyết nuôi con chung khi ly hôn là của anh Nguyễn Tiến Đ. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận tính hợp pháp của các văn bản, tài liệu này để giải quyết vụ án.

[2]. Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo Công văn trả lời số 13490/QLXNC-P5 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 29/6/2022 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an cung cấp, anh Đ xuất nhập cảnh 05 lần, xuất cảnh gần đây nhất là ngày 03/02/2020, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Ngoài ra, lời khai của nguyên đơn anh Đ, lời khai của ông Nguyễn Văn T là bố đẻ của anh Đ, bị đơn chị U đều xác định anh Đ đang lao động tại Hàn Quốc. Do đó, anh Đ được xác định là đang ở nước ngoài. Anh Đ khởi kiện xin ly hôn chị U và đề nghị giải quyết nuôi con chung. Vì vậy, đây là vụ án “ly hôn, tranh

chấp về nuôi con chung”. Do vụ án có một bên đương sự ở nước ngoài, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt đương sự: Nguyên đơn anh Nguyễn Tiến Đ và bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng U đều có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Đ và chị U.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tiến Đ và chị Nguyễn Thị Hồng U, kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 27/3/2018 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, anh Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho anh được ly hôn chị U.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Đ với chị U. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn anh Đ và chị U chung sống với nhau hòa thuận. Tháng 2/2020 anh Đ đi lao động tại Hàn Quốc. Sau khi đi lao động một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Kể từ tháng 5/2021 đến nay do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Anh Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh và chị U được ly hôn. chị U xác định vợ chồng có mâu thuẫn, chị về nhà bố mẹ để sinh sống, khi biết chuyện vợ chồng mâu thuẫn anh Đ và chị đã được gia đình hai bên khuyên bảo về đoàn tụ nhưng chị và anh Đ đều xác định không còn tình cảm nên không thể đoàn tụ, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị cũng đề nghị Tòa xử cho chị và anh Đ được ly hôn. Do đó, xác định vợ chồng anh Đ, chị U không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đ, xử cho anh Đ và chị U được ly hôn là hoàn toàn phù hợp với Điều 51, Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5]. Về nuôi con chung: Anh Đ và chị U có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia K, sinh ngày 20/01/2019. Hiện nay con chung đang sinh sống cùng chị U và do chị U chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn anh Đ đề nghị giao con chung cho chị U chăm sóc nuôi dưỡng và đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị U với mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng.

Xét yêu cầu giao con chung cho chị U chăm sóc, nuôi dưỡng: Hội đồng xét xử thấy hiện nay Đ đang lao động tại nước ngoài không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh Đ từ khi đi nước ngoài thì cháu Khánh vẫn do chị U là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, cháu phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. chị U nhất trí yêu cầu giao con chung Nguyễn Gia K, sinh ngày 20/01/2019 cho chị U là người trực tiếp nuôi dưỡng. Nên căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu đề nghị của anh Đ giao con chung Nguyễn Gia K cho chị U trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế và đảm bảo quyền lợi ích con chung.

[6]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đ đề nghị mức cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị U mức 1.500.000 đồng/1 tháng, hình thức cấp dưỡng là hàng tháng. Chị U nhất trí với đề nghị của anh Đ. Xét thấy đề nghị của anh Đ được chị U chấp nhận nên căn cứ Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung của anh Đ cùng chị U với mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi xét xử sơ thẩm (tháng 7/2022) đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp.

[7]. Về tài sản, công nợ: Anh Đ, chị U không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8]. Về án phí: Anh Nguyễn Tiến Đ phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 1, 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Anh Đ phải nộp tiếp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

[9]. Về chi phí giám định: Ông Nguyễn Văn T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 1, 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Tiến Đ được ly hôn chị Nguyễn Thị Hồng U.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Gia K, sinh ngày 20/01/2019 cho chị Nguyễn Thị Hồng U trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, anh Đ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở chị U thực hiện quyền này.

3. Buộc anh Nguyễn Tiến Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nguyễn Thị Hồng U mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng/1 tháng, hình thức cấp dưỡng là hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7/2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Tiến Đ phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 000442 ngày 30/5/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Đ đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Anh Nguyễn Tiến Đ phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Nguyễn Thị Hồng U vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng Đ hợp lệ hoặc được niêm yết.

Anh Nguyễn Tiến Đ hiện đang cư trú tại nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng Đ hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

